

Số: 1796/SYT-NVD

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 11 năm 2014

V/v Mua thuốc ngoài danh mục trúng
thầu năm 2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi

Kính gửi: Các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế
(trừ BVĐK tỉnh Quảng Ngãi).

Thực hiện Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 8/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc chữa bệnh năm 2014 cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế (trừ Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi), Sở Y tế đã tổ chức đấu thầu và ra các Quyết định: Quyết định số 1409/QĐ-SYT; Quyết định số 1407/QĐ-SYT, Quyết định số 1408/QĐ-SYT ngày 7/10/2014, về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc các gói thầu 1,2,3 và các Quyết định: Quyết định số 1507/QĐ-SYT, Quyết định số 1506/QĐ-SYT, Quyết định số 1505/QĐ-SYT ngày 31/10/2014, về việc phê duyệt bổ sung kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc các gói thầu 1,2,3.

Tuy nhiên, trong quá trình xét thầu có một số mặt hàng thuốc không có nhà thầu nào tham gia hoặc tham gia nhưng không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tham gia nhưng có giá dự thầu cao hơn giá kế hoạch được phê duyệt nên không được phê duyệt trúng thầu.

Để có đủ thuốc cấp cứu, điều trị cho bệnh nhân, căn cứ Điều 23 Mục 5 Thông tư số 01/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 19/01/2012, Sở Y tế hướng dẫn việc mua thuốc, sinh phẩm không trúng thầu (theo Phụ lục I, II, III đính kèm) tại các đơn vị như sau:

- Thủ trưởng đơn vị quyết định mua thuốc sau khi Hội đồng thuốc và điều trị thống nhất và đề xuất bằng văn bản với điều kiện thuốc đã được phép lưu hành tại Việt Nam, và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, thời hạn sử dụng theo các quy định hiện hành.

- Về giá mua thuốc: Đơn vị tham khảo ít nhất 03 báo giá hoặc hóa đơn bán hàng của các nhà cung cấp, giá bán buôn kê khai, kê khai lại đang còn hiệu lực và tham khảo giá công bố trên trang điện tử Cục Quản lý Dược-Bộ Y tế làm căn cứ xem xét, ký hợp đồng với nhà cung cấp. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về giá thuốc mua, sử dụng tại đơn vị.

Sở Y tế đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thực hiện việc mua thuốc đúng quy định nêu trên. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo ngay về Sở Y tế. /

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chức năng, Th.tra, Chánh VP Sở;
- Ban BVSVCB tỉnh;
- Lưu: VT, NVD.





DANH MỤC THUỐC SINH PHẨM Y TẾ KHÔNG TRÚNG THẦU

Gói thầu số 1: THUỐC THEO TÊN GENERIC

(Kèm theo Công văn số 1796/SYT-NVD ngày 12/11/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ. Hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế đường dùng	Đơn vị tính
I. Nhóm 1: Thuốc sản xuất tại các cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/S- GMP thuộc các nước tham gia ICH				
1	Acetylsalicylic acid	100mg	Uống, gói	Gói
2	Adenosin triphosphat	6mg/2ml	Tiêm, ống	ống
3	Amoxicilin + Acid clavulanic	250mg + 31,5mg	Uống; gói	gói
4	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống; gói	gói
5	Benzathyl benzyl Penicillin	1.200.000 UI	Tiêm, lọ	Lọ
6	Budesonid	500mcg/ 2ml	Dạng hít	Ống
7	Cefalexin	500mg	Uống, viên/vi	Viên
8	Cefradin	500mg	Uống, viên/vi	Viên
9	Dopamine (hydrolorid)	40mg/ml	Tiêm; ống 5ml	Ống
10	Erythropoetin (Beta)2000UI	2000 UI	Tiêm, ống	Ống
11	Famotidin	20mg	tiêm, lọ	lọ
12	Fenofibrate	300mg	Uống, viên nang cứng/vi	Viên
13	Fucidic acid + betamethason	2%+0,1%	Dùng ngoài 2%+0,1%	Typ 5g
14	Hyaluronidase	150 UI	tiêm, lọ	Lọ
15	Hyoscine butylbromid	20mg/1ml	Tiêm, ống 20mg/1ml	Ống
16	Isofluran	100ml	Đường hô hấp; lọ 100ml	Lọ
17	Ketoprofen	2%	Dùng ngoài 2%	tube
18	Lacidipin	4mg	Uống, viên/vi	Viên
19	Lacidipin	2mg	Uống, viên/vi	Viên
20	Levodopa + Benserazid	100mg +25mg	Uống, viên	Viên
21	Levodopa + Benserazid	200 mg+50mg	Uống, Viên	Viên
22	Lidocain Spray 10%	10%	Lọ, xịt gây tê bề mặt	Lọ
23	Meloxicam	15mg	Tiêm; ống 15mg	Ống
24	Methyl Ergometrine maleat	0,2 mg	Tiêm, ống 0,2mg	Ống
25	Metoclopramide clohydrat	10mg	Tiêm, ống 10mg	Ống
26	Nicardipin	10mg/10ml	Tiêm, ống 10mg/10ml	ống
27	Noradrenalin	1mg/1ml	Ống tiêm, 1mg/1ml	ống
28	Oxytocin	5UI/ml	Tiêm; ống 5UI/ml	Ống
29	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Uống, viên hoà tan/vi	Viên sủi
30	Phytomenadion (Vitamin K1)	10mg	Tiêm; ống	Ống
31	Piracetam	1g	Tiêm truyền ống 1g	Ống
32	Progesteron	100mg	Uống, viên/vi	Viên
33	Ranitidin	50mg/2ml	Tiêm, ống 2ml	Ống
34	Simethicon	40mg	Uống viên/vi	Viên



STT	Tên hoạt chất	Nồng độ. Hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế đường dùng	Đơn vị tính
35	Simethicon	30ml	Hỗn dịch uống, lọ 30ml	Lọ
36	Terbutalin	0,5mg	Tiêm, ống 0,5mg	Ống
37	Theophyllin	100 mg	Uống, viên 100 mg	Viên
38	Thiamazol	5mg	Viên uống 5mg	Viên
39	Thiopental	1g	lọ 1g	lọ
40	Tobramycin	0.30%	DD nhỏ mắt 0,3%, lọ 5ml	Lọ
41	Valproat natri	200mg/3,47ml	Uống, lọ 40ml	Lọ

II. Nhóm 2: Thuốc sản xuất tại các cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/S- GMP nhưng không thuộc các nước tham gia ICH

42	Ampicillin +Sulbactam	1000mg+500mg	Tiêm, lọ bột pha tiêm	Lọ
43	Diclofenac	75mg/3ml	Tiêm, ống	Ống
44	Metformin + Glibenclamid	500mg + 5mg	Uống, viên/vi	Viên
45	Metoclopramid	10mg/2ml	Tiêm; ống 2ml	Ống
46	Paracetamol	1g/100ml	Tiêm truyền, chai 100ml	Chai
47	Pioglitazone	15mg	Uống, viên/vi	Viên
48	Tobramycin	80mg/2ml	Tiêm; ống 2ml	Ống

III. Nhóm 3: Thuốc sản xuất tại các cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận

49	Acetyl salicylic acid (pH 8)	500mg	Uống, viên/Vi	Viên
50	Acid amin (cho bệnh suy gan)	10%	Tiêm truyền 500ml	Chai
51	Acid amin (cho bệnh suy thận)	200 ml	Tiêm truyền, bịch	Bịch
52	Adenosin triphosphat	20mg	Uống, viên/vi	Viên
53	Albendazol	400mg	Uống, viên/Vi	Viên
54	Albendazol	200mg	Uống, viên/Vi	Viên
55	Alverin (citrát)	40mg	Uống, viên/Vi	Viên
56	Bisacodyl	5mg	Uống, viên	Viên
57	Calci carbonat + tribasic calci phosphat + calci fluorid + magnesi hydroxyd + cholecalciferol	375mg+ 75mg +0,5mg +50mg +250 IU	Uống; cốm pha hỗn dịch	Gói
58	Calci clorid	10%	Tiêm IV, dung dịch, ống 5 ml	Ống
59	Carbazocrom	10mg	Uống; viên/vi	Viên
60	Carbazocrom	10mg	Uống; viên/vi	Viên
61	Clindamycin	150mg	Uống; viên/vi	Viên
62	Clobetasole propionate	0,05%	Bôi ngoài da	Tube
63	Clotrimazol	5g	Dùng ngoài, Tube	Tube
64	Dexamethason	4mg/ml	Tiêm, ống	Ống
65	Dexchlorpheniramine	Uống, chai 60ml	Uống, chai 60ml	Chai
66	Glucose	30%	Tiêm, ống 5ml	Ống
67	Glycerin	Thụt trực tràng; ống 5ml	Thụt trực tràng; ống 5ml	ống
68	Haloperidol	1,5mg	Uống, viên/vi	Viên
69	Hydrochlorothiazid	Uống, viên 25mg	Vi	Viên



STT	Tên hoạt chất	Nồng độ. Hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế đường dùng	Đơn vị tính
70	Ketoprofen	2,5%	Dùng ngoài, kem; tubê 50 g	Tube
71	Loperamid	2mg	Uống, viên/vi	Viên
72	Magnesi hydroxid + nhôm hydroxid	400mg+400mg	Uống, viên	Viên
73	Mebendazol	Uống, viên/vi	Uống, viên 500mg	Viên
74	Meclophenoxat	250mg	Uống; viên/vi	Viên
75	Metoclopramid	10mg/2ml	Tiêm; ống	
76	Misoprostol	200mg	uống, viên	viên
77	Nalidixic acid	500mg	Viên uống/vi	Viên
78	Nystatin	Bột rơ lưỡi	Bột rơ lưỡi	Gói
79	Paracetamol	150mg/3ml	Ống tiêm	Ống
80	Roxithromycin	50mg	Uống, gói	Gói
81	Sắt fumarat + folic acid	200mg+1mg	uống, viên	viên
82	Silymarin	140mg	Viên uống/vi	Viên
83	Sucralfat	1g/	Viên/vi	Viên
84	Tinidazol	500mg	Uống; viên/vi	Viên
85	Trimebutin maleat	100mg	Uống, viên/vi	Viên
86	Venlafaxin	75mg	Uống; viên/vi	Viên
87	Vincamin + Rutin	20 mg + 40 mg	Uống viên	Viên
88	Vitamin A	5000 UI	Uống, viên nang/vi	Viên
89	Vitamin B6	250mg	Uống, viên/vi	Viên
90	Vitamin PP	500mg	Uống, viên/vi	Viên

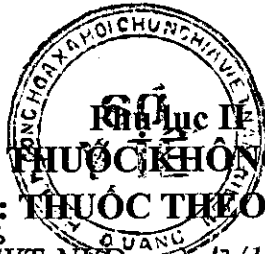
IV. Nhóm 5: Nhóm thuốc khác

A. Nhóm thuốc tân dược

91	Kanamycin	1g	Tiêm , lọ	Lọ
92	Meloxicam	15mg/3ml	Tiêm, ống	Ống
93	Ondansertron	8mg	Uống, viên/vi	Viên
94	Pancreatin + Simethicone	170 mg + 84,433 mg	Uống, viên	Viên
95	Pentoxifyline	400mg	Uống, viên/vi	Viên
96	Piroxicam	20mg/ml	Tiêm, ống	Ống
97	Pralidoxim Iodid	50mg/ml	Tiêm, ống 10ml	Ống
98	Progesteron	100mg	Uống, viên/vi	Viên
99	Ranitidin+Bismuth + Sucrafat	84ng +100mg+ 300mg	Uống, Viên/vi	Viên
100	Sunfadiazin Bạc	1% bạc	Tube bôi ngoài da	tube
101	Triamcinolon	80 mg	Tiêm, Ống 2ml	Ống

B. Nhóm sinh phẩm y tế

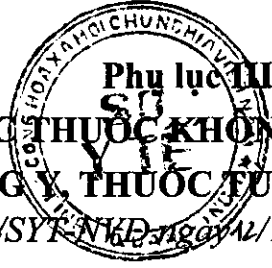
102	Test chẩn đoán nhanh Sốt xuất huyết			Test
103	Test chẩn đoán nhanh Viêm gan A			Test
104	Test nhanh chẩn đoán giang mai		Hộp 30test	Test
105	Test nhanh chẩn đoán Riskettsia			Test
	Tổng cộng: 105 mặt hàng			



DANH MỤC THUỐC KHÔNG TRÚNG THẦU
Gói thầu số 02: THUỐC THEO TÊN BIỆT DƯỢC

(Kèm theo Công văn số ¹⁷⁹⁶ /SYT-NVD ngày 12/11/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc Biệt dược	Nồng độ- hàm lượng	Quy cách	ĐVT	Nhà sản xuất	Nước SX
1	Lisinopril dihydrate	Zestril 5 mg (hoặc tương đương điều trị)	Lisinopril dihydrate 5,45 mg, tương đương với 5 mg lisinopril khan	Viên nén, hộp 2 vỉ x14 viên	Viên	AstraZeneca UK Limited	Anh
2	Salbutamol sulfat	Ventolin (hoặc tương đương điều trị)	100mcg/ liều	Hộp 1 bình xịt 200 liều, Huyền dịch xịt qua bình định liều	Bình	Cơ sở sản xuất: Glaxo Wellcome SA (Cơ sở đóng gói: GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd., Australia)	Tây Ban Nha
3	Thiocolchicoside	Coltramyl (SXNQ)(hoặc tương đương điều trị)	4mg	Viên nén, Hộp 1 vỉ x 12 viên	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam
4	Triclabendazole	Egaten (hoặc tương đương điều trị)	250mg	Hộp 1 vỉ x 4 viên nén	Viên	SwissCo Services AG	Thụy Sĩ
Tổng cộng: 04 mặt hàng							



DANH MỤC THUỐC KHÔNG TRÚNG THẦU

Gói thầu số 03: THUỐC ĐÔNG Y, THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

(Kèm theo Công văn số 174/SYT-NKD ngày 12/11/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

STT	Tên thuốc	Nồng độ-Hàm lượng	Đơn vị tính	Nơi sản xuất
I. Nhóm 1: Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu được sản xuất tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận				
1	Actiso + Biền súc + Bìm bìm			Việt Nam
2	Actiso + Biền súc + Bìm bìm + Diệp hạ châu		Viên	Việt Nam
3	Bạch thược + Hoàng kỳ + Bạch truật + Phục linh + Cam thảo + Quế + Đảng sâm + Thục địa + Đương quy + Xuyên khung + Tá dược vừa đủ.		Viên	Việt Nam
4	Bạch thược + Hoàng kỳ + Bạch truật + Phục linh + Cam thảo, Quế + Đảng sâm + Thục địa + Đương quy + Xuyên khung, Tá dược vừa đủ.		Viên	Việt Nam
5	Cao chè dây		Viên	Việt Nam
6	Đan sâm + Tam thất + Camphor		Viên	Việt Nam
7	Đan sâm, Tam thất		Viên	Việt Nam
8	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đơn bì, Bạch linh, Trạch tả		Viên	Việt nam
9	Viên Nghệ + mật ong		Hộp	Việt Nam
II. Nhóm 2: Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu được sản xuất tại các cơ sở chưa được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn WHO-GMP				
10	Kim ngân hoa+ké đầu ngựa		Viên	Việt Nam
11	Thục địa+Hoài sơn+Sơn thù+Kỳ tử+Thỏ ty tử+Lộc giác giao+Đỗ trọng+Nhục quế+Đương quy+Phụ tử chế		Viên	Việt Nam
Tổng cộng: 11 mặt hàng				